

CHÍNH PHỦ
Số: 87/2003/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 22 tháng 7 năm 2003

NGHỊ ĐỊNH

Về Hành nghề của tổ chức luật sư nước ngoài, luật sư nước ngoài tại Việt Nam

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Pháp lệnh luật sư ngày 25 tháng 7 năm 2001;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về điều kiện, phạm vi, hình thức hành nghề, quyền, nghĩa vụ của tổ chức luật sư nước ngoài, luật sư nước ngoài hành nghề tại Việt Nam và quản lý nhà nước đối với hành nghề của tổ chức luật sư nước ngoài, luật sư nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 2. Nguyên tắc không phân biệt đối xử

Chính phủ Việt Nam bảo đảm không phân biệt đối xử giữa các tổ chức luật sư nước ngoài và các luật sư nước ngoài hành nghề tại Việt Nam.

Điều 3. Bảo hộ quyền sở hữu đối với vốn đầu tư và các quyền lợi hợp pháp khác của tổ chức luật sư nước ngoài, luật sư nước ngoài

Chính phủ Việt Nam bảo hộ quyền sở hữu đối với vốn đầu tư và các quyền lợi hợp pháp khác của tổ chức luật sư nước ngoài, luật sư nước ngoài hành nghề tại Việt

Nam theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 4. Cấm hành nghề luật sư trái phép

Tổ chức, cá nhân nước ngoài không được hành nghề luật sư tại Việt Nam dưới bất kỳ hình thức nào, nếu không được Bộ Tư pháp Việt Nam cấp Giấy phép theo quy định của Nghị định này.

Điều 5. Ngôn ngữ sử dụng và hợp pháp hoá lãnh sự

1. Đơn xin phép hành nghề tại Việt Nam của tổ chức luật sư nước ngoài, luật sư nước ngoài được làm bằng tiếng Việt. Các giấy tờ kèm theo đơn xin phép nếu bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch ra tiếng Việt và bản dịch phải được công chứng theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Giấy tờ do cơ quan, tổ chức nước ngoài cấp hoặc công chứng, chứng thực ở nước ngoài phải được hợp pháp hoá lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 6. Lệ phí

Tổ chức luật sư nước ngoài, luật sư nước ngoài xin cấp Giấy phép thành lập, đăng ký hoạt động, thay đổi nội dung Giấy phép, xin cấp Giấy phép hành nghề tại Việt Nam phải nộp lệ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

Chương II

ĐIỀU KIỆN HÀNH NGHỀ, HÌNH THỨC HÀNH NGHỀ, THỦ TỤC CẤP PHÉP ĐỐI VỚI TỔ CHỨC LUẬT SƯ NƯỚC NGOÀI

Điều 7. Điều kiện hành nghề

Tổ chức luật sư nước ngoài được thành lập và đang hành nghề luật sư hợp pháp tại nước ngoài, có thiện chí đối với Nhà nước Việt Nam, thì được phép hành nghề tại Việt Nam theo quy định của Nghị định này.

Điều 8. Hình thức hành nghề

Tổ chức luật sư nước ngoài hành nghề tại Việt Nam dưới các hình thức sau đây:

1. Chi nhánh của tổ chức luật sư nước ngoài (sau đây gọi tắt là Chi nhánh).
2. Công ty luật nước ngoài.
3. Công ty luật hợp danh giữa tổ chức luật sư nước ngoài và Công ty luật hợp danh Việt Nam (sau đây gọi tắt là Công ty luật hợp danh nước ngoài và Việt Nam).

Điều 9. Chi nhánh

1. Chi nhánh là đơn vị phụ thuộc của tổ chức luật sư nước ngoài, được thành lập tại Việt Nam theo quy định của Nghị định này.
2. Chi nhánh chịu trách nhiệm vô hạn về hoạt động của mình trước pháp luật Việt Nam.
3. Tổ chức luật sư nước ngoài cử một luật sư làm Trưởng Chi nhánh. Trưởng Chi nhánh quản lý, điều hành hoạt động của Chi nhánh tại Việt Nam và là người đại diện theo pháp luật của Chi nhánh. Trưởng Chi nhánh có thể là luật sư nước ngoài hoặc luật sư Việt Nam.

Điều 10. Công ty luật nước ngoài

1. Công ty luật nước ngoài là tổ chức hành nghề luật sư do một hoặc nhiều tổ chức luật sư nước ngoài thành lập tại Việt Nam theo quy định của Nghị định này.
2. Công ty luật nước ngoài tự quản lý và tự chịu trách nhiệm vô hạn về mọi hoạt động của Công ty trước pháp luật Việt Nam.
3. Giám đốc Công ty luật nước ngoài là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Giám đốc Công ty luật nước ngoài có thể là luật sư nước ngoài hoặc luật sư Việt Nam.

Điều 11. Công ty luật hợp danh nước ngoài và Việt Nam

1. Công ty luật hợp danh nước ngoài và Việt Nam là tổ chức hành nghề luật sư được thành lập tại Việt Nam trên cơ sở hợp đồng hợp danh giữa một hoặc nhiều tổ chức luật sư nước ngoài và một hoặc nhiều Công ty luật hợp danh Việt Nam theo quy định của Nghị định này.
2. Các Bên hợp danh trong Công ty luật hợp danh nước ngoài và Việt Nam phải chịu trách nhiệm liên đới vô hạn về mọi hoạt động của Công ty trước pháp luật Việt Nam.
3. Quyền, nghĩa vụ, quan hệ giữa các Bên hợp danh, cơ cấu tổ chức, quản lý của Công ty luật hợp danh nước ngoài và Việt Nam do các Bên hợp danh thoả thuận quy định trong Hợp đồng hợp danh.
4. Giám đốc Công ty luật hợp danh nước ngoài và Việt Nam là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Giám đốc Công ty luật hợp danh nước ngoài và Việt Nam có

thể là luật sư nước ngoài hoặc luật sư Việt Nam.

Điều 12. Hồ sơ xin thành lập Chi nhánh

Hồ sơ xin thành lập Chi nhánh gồm các giấy tờ sau đây:

1. Đơn xin thành lập Chi nhánh;
2. Bản sao giấy tờ chứng minh việc thành lập hợp pháp của tổ chức luật sư nước ngoài do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp;
3. Bản giới thiệu về hoạt động của tổ chức luật sư nước ngoài;
4. Danh sách luật sư nước ngoài dự kiến làm việc tại Chi nhánh kèm theo hồ sơ xin cấp Giấy phép hành nghề tại Việt Nam;
5. Quyết định cử luật sư làm Trưởng Chi nhánh.

Điều 13. Nội dung đơn xin thành lập Chi nhánh

Đơn xin thành lập Chi nhánh phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Tên gọi, quốc tịch, địa chỉ trụ sở chính của tổ chức luật sư nước ngoài;
2. Tên gọi của Chi nhánh;
3. Lĩnh vực hành nghề của Chi nhánh;
4. Thời hạn hoạt động của Chi nhánh;
5. Nơi đặt trụ sở của Chi nhánh;
6. Họ, tên của luật sư được tổ chức luật sư nước ngoài cử làm Trưởng Chi nhánh.

Điều 14. Hồ sơ xin thành lập Công ty luật nước ngoài

Hồ sơ xin thành lập Công ty luật nước ngoài gồm các giấy tờ sau đây:

1. Đơn xin thành lập Công ty luật nước ngoài;
2. Bản sao giấy tờ chứng minh việc thành lập hợp pháp của tổ chức luật sư nước ngoài hoặc các tổ chức luật sư nước ngoài do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp;
3. Bản giới thiệu về hoạt động của tổ chức luật sư nước ngoài;
4. Danh sách luật sư nước ngoài dự kiến làm việc tại Công ty kèm theo hồ sơ xin cấp Giấy phép hành nghề tại Việt Nam;
5. Điều lệ Công ty luật nước ngoài.

Điều 15. Nội dung đơn xin thành lập Công ty luật nước ngoài

Đơn xin thành lập Công ty luật nước ngoài phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Tên gọi, quốc tịch, địa chỉ trụ sở chính của tổ chức luật sư nước ngoài;
2. Tên gọi của Công ty luật nước ngoài;
3. Lĩnh vực hành nghề của Công ty luật nước ngoài;
4. Thời hạn hoạt động của Công ty luật nước ngoài;
5. Nơi đặt trụ sở của Công ty luật nước ngoài;
6. Họ, tên của luật sư được cử làm Giám đốc của Công ty luật nước ngoài.

Điều 16. Nội dung Điều lệ Công ty luật nước ngoài

Điều lệ Công ty luật nước ngoài phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Tên gọi, địa chỉ trụ sở chính, chi nhánh (nếu có); tên gọi, địa chỉ, người đại diện có thẩm quyền của tổ chức luật sư nước ngoài;
2. Lĩnh vực hành nghề của Công ty luật nước ngoài;
3. Quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm và quan hệ của luật sư thành viên Công ty luật nước ngoài;
4. Cơ cấu tổ chức, quản lý của Công ty luật nước ngoài;
5. Người đại diện theo pháp luật của Công ty luật nước ngoài;
6. Thời hạn hoạt động, điều kiện chấm dứt hoạt động của Công ty luật nước ngoài;
7. Thể thức sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty luật nước ngoài.

Điều 17. Hồ sơ xin thành lập Công ty luật hợp danh nước ngoài và Việt Nam

Hồ sơ xin thành lập Công ty luật hợp danh nước ngoài và Việt Nam gồm các giấy tờ sau đây:

1. Đơn xin thành lập Công ty luật hợp danh nước ngoài và Việt Nam;
2. Bản sao giấy tờ chứng minh việc thành lập hợp pháp của tổ chức luật sư nước ngoài, bản sao Giấy đăng ký hoạt động của Công ty luật hợp danh Việt Nam;
3. Bản giới thiệu về hoạt động của tổ chức luật sư nước ngoài, Công ty luật hợp danh Việt Nam;
4. Danh sách luật sư nước ngoài dự kiến làm việc tại Công ty luật hợp danh nước ngoài và Việt Nam kèm theo hồ sơ xin cấp Giấy phép hành nghề tại Việt Nam; danh